

Số: 56/1999/QĐ-NHNN2

Hà nội, ngày 12 tháng 02 năm 1999

VIỆT NAM
ÁP CHẾ

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy định về xây dựng, cấp phát, sử dụng và quản lý Mã khoá bảo mật trong thanh toán chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28/10/1991;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Quyết định số 681/TTg ngày 15/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật Nhà nước trong ngành ngân hàng;
- Căn cứ Quyết định số 196/TTg ngày 01/04/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng các dữ liệu thông tin trên vật mang tin để làm chứng từ kế toán và thanh toán của các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về xây dựng, cấp phát, sử dụng và quản lý Mã khoá bảo mật trong thanh toán chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng, Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu Vụ Kế toán - Tài chính.



NGUYỄN VĂN GIẤU

**QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, CẤP PHÁT, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ
MÃ KHOÁ BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/1999/QĐ-NHNN2 ngày 2 tháng 02 năm 1999
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mã khoá bảo mật dùng trong thanh toán chuyển tiền điện tử của hệ thống Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là *Mã khoá bảo mật*) là một ứng dụng công nghệ tin học được sử dụng để bảo vệ và kiểm soát dữ liệu thanh toán chuyển tiền khi thực hiện truyền, nhận qua mạng máy tính giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Mã khoá bảo mật do Ngân hàng Nhà nước Việt nam xây dựng và cấp phát cho từng cá nhân được quy định tại điều 7, Quy định này, có giá trị chứng thực quyền hạn, trách nhiệm và chức năng, nhiệm vụ của cá nhân đó khi thực hiện công tác kiểm soát chuyển tiền theo quy định tại Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 469//1998/QĐ-NHNN2 ngày 31/12/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Mã khoá bảo mật thuộc danh mục bí mật Nhà nước trong ngành Ngân hàng độ "**MẬT**".

Người cung cấp và cài đặt chương trình phần mềm máy tính phục vụ việc xây dựng, cấp phát, sử dụng và quản lý Mã khoá bảo mật phải làm Bản cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước trong hoạt động ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-NH4 ngày 26/11/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Nghiêm cấm các đơn vị, cá nhân tìm cách giải mã, chiếm đoạt, mua bán, tiết lộ, nhân bản và huỷ bỏ trái phép Mã khoá bảo mật; lợi dụng việc bảo vệ Mã khoá bảo mật để che dấu hành vi vi phạm pháp luật.

II - XÂY DỰNG MÃ KHOÁ BẢO MẬT

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính chịu trách nhiệm lựa chọn, quyết định phương án và quy trình xây dựng Mã khoá bảo mật. Khi cần thiết, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính có thể chỉ định người có đủ điều kiện và phẩm chất giúp việc cho mình trong xây dựng Mã khoá bảo mật.

Điều 6. Việc xây dựng Mã khoá bảo mật phải thực hiện đúng các quy định sau đây:

1. Phải tổ chức ở nơi đảm bảo an toàn; máy tính, máy in và các trang thiết bị kỹ thuật khác phục vụ xây dựng Mã khoá bảo mật phải được quản lý chặt chẽ và sử dụng riêng biệt để đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và an toàn;

2. Tuyệt đối tuân thủ quy trình xây dựng đã được xác định;

3. Không được xây dựng và nhân bản vượt quá số lượng Mã khoá bảo mật quy định;

4. Sau khi xây dựng xong, Mã khoá bảo mật phải được đăng ký vào sổ theo dõi Mã khoá bảo mật đã xây dựng. Sổ theo dõi Mã khoá bảo mật đã xây dựng và các Mã khoá bảo mật mới được xây dựng (chưa cấp phát) do Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính trực tiếp lưu giữ và bảo quản theo chế độ tài liệu mật. Các giấy tờ, bản thảo ghi chép phục vụ cho việc xây dựng Mã khoá bảo mật và những Mã khoá bảo mật chế thử, hỏng phải huỷ ngay cùng với việc huỷ bỏ và làm mất khả năng khôi phục Mã khoá bảo mật dưới bất kỳ hình thức nào trong máy tính và các vật mang tin khác để đảm bảo sự chính xác, an toàn và bảo mật.

III - CẤP PHÁT VÀ QUẢN LÝ CẤP PHÁT MÃ KHOÁ BẢO MẬT

Điều 7. Đối tượng được cấp phát Mã khoá bảo mật bao gồm:

1. Trưởng phòng và Phó trưởng phòng Tổ chức Thanh toán liên hàng (Vụ Kế toán - Tài chính);

2. Trưởng phòng và Phó trưởng phòng Kế toán và Thanh toán của đơn vị Ngân hàng Nhà nước tham gia thanh toán chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước (từ đây gọi tắt là *đơn vị chuyển tiền điện tử*);

3. Giám đốc hoặc Phó giám đốc phụ trách công tác kế toán của đơn vị chuyển tiền điện tử (*nếu cần thiết*).

Đối với một số đơn vị chuyển tiền điện tử có phát sinh thanh toán chuyển tiền lớn, cần phải có thêm người làm công tác kiểm soát chuyển tiền thì Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị có thể lựa chọn thêm một hoặc hai người có phẩm chất tốt và năng lực chuyên môn thực hiện công tác kiểm soát chuyển tiền để có công văn đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Kế toán - Tài chính) xem xét cấp Mã khoá bảo mật.

Điều 8. Thủ tục cấp phát Mã khoá bảo mật:

1. Để được cấp phát Mã khoá bảo mật, Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị chuyển tiền điện tử phải có Công văn đề nghị cấp Mã khoá bảo mật kèm theo danh sách người của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Kế toán - Tài chính).

2. Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính có trách nhiệm xét duyệt danh sách người được đơn vị chuyển tiền điện tử đề nghị cấp Mã khoá bảo mật. Việc xét

48
duyet căn cứ vào đối tượng, thủ tục xin cấp và nhu cầu sử dụng Mã khoá bảo mật ở từng đơn vị chuyển tiền điện tử. Nếu đủ điều kiện cấp phát Mã khoá bảo mật, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính hoặc người được Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính chỉ định giúp việc cho mình, sẽ làm thủ tục cấp phát Mã khoá bảo mật cho từng cá nhân theo đề nghị của Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị chuyển tiền điện tử.

Điều 9. Vụ Kế toán - Tài chính và các đơn vị chuyển tiền điện tử phải mở Sổ theo dõi danh sách người được cấp phát Mã khoá bảo mật thuộc phạm vi mình quản lý. Sổ này và công văn của đơn vị đính kèm danh sách người được đề nghị cấp Mã khoá bảo mật do Trưởng phòng Chế độ (*Vụ Kế toán - Tài chính*) và Trưởng phòng Kế toán và Thanh toán (*đơn vị chuyển tiền điện tử*) lưu giữ.

Điều 10. Việc cấp lại Mã khoá bảo mật chỉ thực hiện trong trường hợp Mã khoá bảo mật bị hỏng do nguyên nhân khách quan như vật mang tin chứa Mã khoá bảo mật bị hư hỏng khi vận chuyển, bị lỗi kỹ thuật v.v... Khi phát hiện Mã khoá bảo mật bị hỏng, người được cấp phải báo cáo ngay với Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị để có Công văn đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (*Vụ Kế toán - Tài chính*) cấp lại Mã khoá bảo mật, Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị phải thu hồi ngay Mã khoá bảo mật bị hỏng để xử lý theo quy định.

IV - SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG MÃ KHOÁ BẢO MẬT

Điều 11. Mã khoá bảo mật chỉ được sử dụng để mã hoá và giải mã - kiểm soát dữ liệu thanh toán chuyển tiền khi thực hiện truyền, nhận qua mạng vì tính giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 469/1998/QĐ-NHNN2 ngày 31/12/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Mã khoá bảo mật cấp cho người nào thì chỉ người đó được phép sử dụng khi thực hiện hoặc được uỷ nhiệm thực hiện công tác kiểm soát chuyển tiền tại đơn vị mình. Nghiêm cấm người được cấp Mã khoá bảo mật tiết lộ, bàn giao Mã khoá bảo mật cho người khác để sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào.

Khi sử dụng Mã khoá bảo mật, người sử dụng không được để lộ mật mã và cách sử dụng Mã khoá bảo mật của mình. Máy tính và các trang thiết bị để sử dụng Mã khoá bảo mật phải được bố trí, sắp xếp ở vị trí khuất để khi (người) sử dụng Mã khoá bảo mật thì người khác không thể quan sát được mật mã và thao tác sử dụng.

Điều 13. Người sử dụng Mã khoá bảo mật phải tuyệt đối tuân thủ quy định và quy trình sử dụng Mã khoá bảo mật đã được hướng dẫn để đảm bảo sự chính xác, an toàn và bảo mật.

V - ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG, THU HỒI VÀ THAY ĐỔI MÃ KHOÁ BẢO MẬT

Điều 14. Mã khoá bảo mật bị đình chỉ sử dụng, thu hồi và thay đổi trong các trường hợp sau đây: